

ĐỀ ÁN

**tổ chức thi nâng ngạch công chức và xét, thi thăng hạng viên chức
khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội
và đơn vị sự nghiệp của Đảng năm 2023**

Phần thứ nhất

**SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN;
SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC HIỆN CÓ**

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Đặc điểm, tình hình

Lâm Đồng là tỉnh miền núi phía Nam Tây Nguyên, diện tích tự nhiên 9.764,79 km, dân số khoảng 1.551 triệu người. Toàn tỉnh có 12 đơn vị hành chính, trong đó có 02 thành phố và 10 huyện với 142 xã, phường, thị trấn; có 16 đảng bộ cấp trên cơ sở và 02 đảng bộ cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy, 751 tổ chức cơ sở đảng, 48.099 đảng viên. Về cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) trong tỉnh: 29.146 người, trong đó: Khối nhà nước 28.186 người; khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp của Đảng: 959/1.081 người.

2. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Là địa bàn phát triển năng động về kinh tế - xã hội và nằm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Nam, đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đổi mới và hội nhập quốc tế để phát triển và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực. Trong đó, có sự đóng góp không nhỏ của đội ngũ CBCCVC của tỉnh. Vì vậy, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Lâm Đồng đã thường xuyên quan tâm, kiện toàn và từng bước xây dựng, đội ngũ CBCCVC của tỉnh ngày càng tiến bộ về mọi mặt, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Về tổng thể, đội ngũ CBCCVC của tỉnh có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, chấp hành tốt chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có trình độ chuyên môn, được đào tạo về lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng nghiệp vụ. Đến nay, một số CBCCVC có đủ năng lực, trình độ chuyên môn để đảm nhận công việc ở vị trí việc làm theo yêu cầu ngạch công chức, viên chức cao hơn và được quy hoạch giữ chức danh lãnh đạo, quản lý. Tuy nhiên, vẫn chưa được bổ nhiệm vào ngạch phù hợp. Bên cạnh đó, còn một số CBCCVC đang giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý, nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt.

Vì vậy, việc thi nâng ngạch công chức và xét thăng hạng viên chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh là rất cần thiết và phù hợp với yêu cầu thực tiễn; nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC

trong việc tham mưu hoạch định chính sách, hiện thực hóa các mục tiêu về xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh; từng bước ổn định cơ cấu ngạch công chức theo khung danh mục vị trí việc làm đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt, đồng thời đáp ứng được một số tiêu chuẩn để thực hiện việc điều động, luân chuyển, bố trí công tác cán bộ.

Để đáp ứng yêu cầu nêu trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng **“Đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức và xét, thi thăng hạng viên chức Khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp của Đảng năm 2023”**, nhằm lựa chọn được những CBCCVN có phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực công tác để bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương..., bảo đảm phù hợp với Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức của địa phương, cơ quan, đơn vị đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008.
- Luật Viên chức năm 2010.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019.
- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức (*viết tắt là Nghị định số 138/2020/NĐ-CP*).
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (*viết tắt là Nghị định số 115/2020/NĐ-CP*).
- Thông tư số 03/2019/TT-BNV, ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (*viết tắt là Thông tư số 03/2019/TT-BNV*); Thông tư số 01/2018/TT-BNV, ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.
- Thông tư số 06/2020/TT-BNV, ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (*viết tắt là Thông tư số 06/2020/TT-BNV*).
- Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư (*viết tắt là Thông tư số 02/2021/TT-BNV*) và Thông tư số 06/2022/TT-BNV, ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.
- Thông tư số 77/2019/TT-BTC, ngày 11/11/2019 của Bộ Tài chính quy định

mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

- Thông tư số 03/2021/TT-BTTTT, ngày 25/6/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông (*viết tắt là Thông tư số 03/2021/TT-BTTTT*); Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV, ngày 07/4/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các chức danh viên chức Biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên và đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

- Thông tư số 31/2021/TT-BGDĐT, ngày 10/11/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học công lập (*viết tắt là Thông tư số 31/2021/TT-BGDĐT*).

- Đề án vị trí việc làm của các địa phương, cơ quan, đơn vị đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt.

III. THỰC TRẠNG VỀ SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC HIỆN CÓ

1. Số lượng, cơ cấu ngạch công chức, viên chức hiện có Khối Đảng, Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp của Đảng

Tổng số cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện: 28 cơ quan, đơn vị, gồm:

- Các ban tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy: 06 đơn vị.
- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh: 06 đơn vị.
- Huyện ủy, thành ủy: 12 đơn vị.
- Đảng ủy (*Khối các cơ quan tỉnh, Khối Doanh nghiệp tỉnh*): 02 đơn vị.
- Đơn vị sự nghiệp (*Báo Lâm Đồng, Trường Chính trị tỉnh*): 02 đơn vị.
- Tổng số biên chế cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp tỉnh hiện có là: 959/1.081 người, trong đó:
 - + Đang giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương: 13 người, đạt 1,36%.
 - + Đang giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương: 295 người, đạt 30,76%.
 - + Đang giữ ngạch chuyên viên và tương đương: 574 người, chiếm 59,85%.
 - + Đang giữ ngạch cán sự, nhân viên, khác: 77 người, chiếm 8,03%.

2. Số lượng công chức, viên chức tương ứng với ngạch dự thi còn thiếu so với yêu cầu vị trí việc làm

- Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BNV, ngày 25/6/2013 của Bộ Nội vụ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 12/2012/TT-BNV, ngày 18/12/2012; Thông tư số 03/2019/TT-BNV, ngày 14/5/2019 và Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ

chức chính trị - xã hội của tỉnh, số lượng công chức, viên chức tương ứng với ngạch dự thi còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm, cụ thể:

- Công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương hiện có 13/29, ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, còn thiếu 16 người so với nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm.

- Công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương hiện có 295/436, ngạch chuyên viên chính và tương đương còn thiếu 141 người so với nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm.

- Công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương hiện có 574/555, nhiều hơn so với đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt 19 người (*mặc dù số lượng chuyên viên nhiều hơn so với đề án vị trí việc làm của các đơn vị đã phê duyệt, nhưng vẫn đưa vào đề án tổ chức thi nâng ngạch chuyên viên vì những lý do như sau: Trong số 19 người nhiều hơn này, bao gồm những người sắp nghỉ hưu (năm 2023 có 17 CBCCVC nghỉ hưu và 09 CBCC tỉnh giãn biên chế và nghỉ theo Nghị định 26/2015/NĐ-CP); chuẩn bị thi nâng ngạch lên chuyên viên chính (đề nghị Ban Tổ chức Trung ương phân bổ chỉ tiêu Chuyên viên chính năm 2023 là 50 người), đặc biệt trong đó có một số đơn vị còn thiếu công chức giữ ngạch chuyên viên so với đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt như Ban Tổ chức Tỉnh ủy thiếu 03, Tỉnh đoàn thiếu 01, Huyện ủy Đơn Dương thiếu 01, Huyện ủy Bảo Lâm thiếu 02, Huyện ủy Đam Rông thiếu 02, Huyện ủy Đa Tả thiếu 04, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp thiếu 03, Trường Chính trị tỉnh thiếu 04, Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh thiếu 08,...).*

- Công chức, viên chức giữ ngạch cán sự và tương đương hiện có 39/39. Tuy nhiên, đăng ký dự thi nâng ngạch cán sự 03 đồng chí, do có một số đồng chí nghỉ hưu và một số đồng chí dự thi lên ngạch chuyên viên.

3. Về số lượng công chức, viên chức đăng ký nhu cầu dự thi nâng ngạch, xét thăng hạng

Qua rà soát số lượng CBCCVC có nhu cầu đăng ký dự thi nâng ngạch công chức và xét thăng hạng viên chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp của Đảng năm 2023 là: **105** trường hợp, trong đó:

- Thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên chính (tương đương) lên ngạch chuyên viên cao cấp (tương đương): 03 trường hợp.

- Thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên (tương đương) lên ngạch chuyên viên chính (tương đương): 65 trường hợp.

- Thi nâng ngạch từ ngạch cán sự (tương đương) lên ngạch chuyên viên (tương đương): 17 trường hợp.

- Thi nâng ngạch từ ngạch nhân viên (tương đương) lên ngạch cán sự chuyên viên (tương đương): 01 trường hợp.

- Xét thăng hạng viên chức từ hạng II lên hạng I: 01 trường hợp.

- Xét thăng hạng viên chức từ hạng III lên hạng II: 12 trường hợp (*ngạch giảng viên hạng II: 03; ngạch phóng viên hạng II: 06; ngạch chuyên viên chính: 03*).

- Xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III: 04 trường hợp.

- Xét thăng hạng viên chức nhân viên lên cán sự (hạng IV): 02 trường hợp.

Phần thứ hai NỘI DUNG ĐỀ ÁN

Mục 1 THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC

Căn cứ Đề án vị trí việc làm và nhu cầu thực tế trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội (*gọi tắt là các địa phương, cơ quan*) đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt đề cán bộ, công chức dự thi nâng ngạch công chức như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VÀ CHỈ TIÊU DỰ THI NÂNG NGẠCH TỪ NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH (TƯƠNG ĐƯƠNG) LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN CAO CẤP (TƯƠNG ĐƯƠNG)

Cán bộ, công chức dự thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên chính và tương đương lên ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương thực hiện theo kế hoạch của các cơ quan Trung ương (*Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương*).

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, CHỈ TIÊU DỰ THI NÂNG NGẠCH TỪ NGẠCH CHUYÊN VIÊN LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH

Cán bộ, công chức dự thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính phải đảm bảo vị trí việc làm và tỷ lệ cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên chính của địa phương, cơ quan theo đề án vị trí việc làm đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt và đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV và Thông tư số 06/2022/TT-BNV.

1. Đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn và hồ sơ dự thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính

1.1. Đối tượng dự thi:

Đối tượng dự thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên (mã ngạch 01.003) lên ngạch chuyên viên chính (mã ngạch 01.002), bao gồm:

a. Cán bộ, công chức đang công tác tại các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh đang giữ ngạch chuyên viên (01.003).

b. Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện và tương đương; người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương.

c. Cán bộ, công chức thuộc hai nhóm đối tượng trên (*nhóm a, b điểm 1.1 này*) được điều động, luân chuyển giữ các chức danh bí thư đảng ủy, chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn.

Cán bộ công tác tại Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương thực hiện theo Đề án hoặc Kế hoạch thi nâng ngạch của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

1.2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự thi: Cán bộ, công chức đăng ký dự thi nâng ngạch phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

a. Tiêu chuẩn về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

- Có đủ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Khoản 3, Điều 6, Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 và Khoản 3, Điều 1, Thông tư số 06/2022/TT-BNV, ngày 28/6/2022.

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác và theo vị trí việc làm đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt đối với địa phương, cơ quan.

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên hoặc có giấy xác nhận tương đương trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên của cơ quan có thẩm quyền cấp; có bằng cử nhân chính trị do hệ thống Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh hoặc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh trước đây cấp, được xác định là bằng chuyên môn và vận dụng đủ tiêu chuẩn về trình độ lý luận chính trị.

- *Về bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước:* Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc có bằng tốt nghiệp thạc sỹ quản lý hành chính công trở lên.

- *Về tham gia biên soạn văn bản, nghiên cứu khoa học:* Trong thời gian giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu, thông qua, cụ thể như sau:

+ Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo hoặc tổ biên tập văn bản quy phạm pháp luật mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản mà theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì phải thành lập Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia xây dựng của người có thẩm quyền.

+ Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo hoặc Tổ giúp việc, Tổ biên tập, Tổ biên soạn đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt.

+ Có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền về việc chủ trì hoặc tham gia xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý văn bản quy phạm pháp luật, gồm: Nghị quyết, quy định, quy chế,... của cấp ủy cấp huyện trở lên.

+ Trường hợp nếu có giấy xác nhận của cấp ủy, cơ quan có thẩm quyền xác nhận cán bộ, công chức chủ trì hoặc có tham gia xây dựng nghị quyết, quy định, quy chế, đề án,... do Hội đồng thi tuyển xem xét, quyết định.

b. Thời gian giữ ngạch chuyên viên (tương đương):

Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên chính phải có thời gian giữ ngạch chuyên viên và tương đương từ đủ 09 năm (108 tháng) trở lên (*không kể thời gian tập sự, thử việc*), trong đó thời gian giữ ngạch chuyên viên tối thiểu 01 năm (*đủ 12 tháng*), tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

1.3. Điều kiện dự thi: Người dự thi nâng ngạch phải có đủ các điều kiện sau:

a. Cơ quan sử dụng cán bộ, công chức có nhu cầu về vị trí việc làm của ngạch chuyên viên chính.

b. Được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm 2022; có phẩm chất chính trị đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82, Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 17, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

c. Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch chuyên viên chính.

d. Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch chuyên viên chính.

1.4. Hồ sơ đăng ký dự thi:

Tại thời điểm nộp hồ sơ, cán bộ, công chức đăng ký dự thi phải đầy đủ các nội dung sau:

a. Công văn cử cán bộ, công chức tham gia dự thi của địa phương, cơ quan.

b. Bản sơ yếu lý lịch (theo mẫu 2C/TCTW-98), có xác nhận của cơ quan sử dụng cán bộ, công chức trong thời hạn 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ.

c. Bản nhận xét, đánh giá công chức của người đứng đầu địa phương, cơ quan sử dụng công chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định. Trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức năm trước năm tổ chức thi và xác nhận công chức không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

d. Có đủ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Khoản 3, Điều 6, Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021; Khoản 3, Điều 1, Thông tư số 06/2022/TT-BNV, ngày 28/6/2022 và khung năng lực vị trí việc làm “*Công nghệ thông tin cơ bản và ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam*”.

đ. Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ (*kể cả chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số nếu có*) theo tiêu chuẩn của ngạch đăng ký dự thi. Trường hợp cán bộ, công chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu ngạch chuyên viên chính thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Trường hợp cán bộ, công chức được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc tin học thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

e. Bản sao các quyết định thành lập tổ nghiên cứu, biên soạn, biên bản nghiệm thu hoặc văn bản thể hiện,... của cơ quan có thẩm quyền; biên bản nghiệm thu đề án, đề tài, tên văn bản,...

g. Bản sao quyết định bổ nhiệm ngạch chuyên viên (ngạch 01.003); Bản sao quyết định xếp lương đầu tiên ở trình độ đại học; Bản sao Quyết định lương hiện hưởng và quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc bổ nhiệm ngạch tương đương với ngạch chuyên viên.

h. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch.

Hồ sơ đăng ký dự thi bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm (theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV, ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức).

2. Chỉ tiêu đăng ký dự thi nâng ngạch lên chuyên viên chính

a. Tổng số cán bộ, công chức có nhu cầu đăng ký dự thi nâng ngạch lên chuyên viên chính: 65 trường hợp.

b. Chỉ tiêu đề nghị nâng ngạch lên chuyên viên chính: 50 chỉ tiêu (việc điều chỉnh tăng hoặc giảm chỉ tiêu nâng ngạch do Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thi nâng ngạch và Ban Tổ chức Tỉnh ủy).

(Có biểu nhu cầu nâng ngạch công chức kèm theo)

3. Môn thi, hình thức và thời gian thi

Cán bộ, công chức tham dự kỳ thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính phải thực hiện 02 vòng thi sau:

3.1. Thi vòng 1: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

a. Nội dung thi trắc nghiệm gồm 02 phần:

- Phần I: Môn kiến thức chung: Nội dung thi gồm 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực; chức trách, nhiệm vụ của công chức,... theo tiêu chuẩn của ngạch dự thi. *Thời gian thi 60 phút.*

- Phần II: Môn ngoại ngữ 30 câu hỏi về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc ở trình độ theo yêu cầu của ngạch chuyên viên chính (tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam). *Thời gian thi 30 phút.*

b. Miễn phần thi môn Ngoại ngữ (Vòng 1) đối với các trường hợp sau:

- Cán bộ, công chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác.
- Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số.
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ trở lên.
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do các trường ở nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định.

c. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi: Nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì được dự thi tiếp Vòng 2 (nếu kết quả có 01 trong 02 phần thi ở Vòng 1 không đảm bảo tối thiểu đạt 50% số câu hỏi đúng, thí sinh sẽ không được dự thi Vòng 2), trừ các trường hợp miễn thi.

* Không phúc khảo kết quả thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

3.2. Thi vòng 2: Thi môn chuyên môn, nghiệp vụ:

- Hình thức thi: Thi viết với thang điểm 100.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của cán bộ, công chức dự thi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương,

đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực; chức trách, nhiệm vụ của công chức theo tiêu chuẩn của ngạch dự thi.

- Thời gian thi: 180 phút.

4. Xác định người trúng tuyển

- Người trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch chuyên viên chính phải có kết quả điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu nâng ngạch được giao (*không tính điểm thi Vòng 1*).

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi Vòng 2 bằng nhau ở chỉ tiêu nâng ngạch cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên trúng tuyển như sau: Người dự tuyển là nữ, người dự tuyển là người dân tộc thiểu số, người dự tuyển nhiều tuổi hơn (*tính theo ngày, tháng, năm sinh*), trường hợp bằng tuổi nhau thì người có thời gian công tác nhiều hơn là người trúng tuyển.

- Không bảo lưu kết quả cho các kỳ thi nâng ngạch lần sau.

III. THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC TỪ NGẠCH CÁN SỰ VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG (KẾ TOÁN VIÊN, VĂN THƯ VIÊN)

1. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ dự thi nâng ngạch từ ngạch cán sự (tương đương) lên ngạch chuyên viên

1.1. Đối tượng dự thi:

Đối tượng dự thi nâng ngạch từ ngạch cán sự và tương đương lên ngạch chuyên viên và tương đương bao gồm: Công chức được tuyển dụng và bổ nhiệm vào ngạch cán sự (01.004, 06.032, 02.008) hoặc ngạch tương đương hiện đang công tác tại cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, các huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh và Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh.

1.2. Tiêu chuẩn dự thi:

a. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

** Đối với ngạch Chuyên viên:*

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn.

- Công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên phải có thời gian giữ ngạch cán sự hoặc tương đương từ đủ 03 năm (*không kể thời gian tập sự, thử việc*). Trường hợp có thời gian giữ ngạch tương đương thì phải có thời gian giữ ngạch cán sự tối thiểu 01 năm (12 tháng), tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

** Đối với ngạch Kế toán viên:* Đảm bảo theo Khoản 3, Điều 7, Thông tư 77/2019/TT-BTC, ngày 11/11/2019 của Bộ Tài chính, cụ thể: Công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên phải đang giữ ngạch kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ ngạch kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm (đủ 36 tháng) trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kế toán viên trung cấp tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng).

** Đối với ngạch Văn thư viên:* Đảm bảo theo Khoản 3, Điều 11, Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ: Công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch Văn thư viên phải có thời gian giữ ngạch văn thư viên trung cấp và tương đương, trong đó nếu có thời gian tương đương với ngạch văn thư viên trung cấp thì thời gian giữ ngạch văn thư viên trung cấp tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch, cụ thể:

- Trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ đào tạo cao đẳng phải có thời gian giữ ngạch văn thư viên trung cấp và tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự).

- Trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ đào tạo trung cấp phải có thời gian giữ ngạch văn thư viên trung cấp và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự).

b. Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: Về trình độ chuyên môn:

** Đối với ngạch Chuyên viên:*

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên hoặc bằng tốt nghiệp đại học ngành hành chính học, quản lý hành chính công trở lên.

- Có chứng chỉ tin học, với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; có chứng chỉ ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

** Đối với ngạch Kế toán viên:*

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính.

- Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kế toán viên.

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; có chứng chỉ ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

** Đối với ngạch Văn thư viên:*

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học, lưu trữ học và quản trị văn phòng. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ.

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; có chứng chỉ ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào

tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

1.3. Điều kiện dự thi:

a. Được đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ năm trước của năm đăng ký dự thi; có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang thực hiện việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

b. Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch chuyên viên và tương đương.

c. Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch chuyên viên và tương đương.

1.4. Hồ sơ đăng ký dự thi:

Tại thời điểm nộp hồ sơ cán bộ, công chức đăng ký dự thi phải đầy đủ các nội dung sau:

a. Công văn cử cán bộ, công chức tham gia dự thi của địa phương, cơ quan.

b. Bản sơ yếu lý lịch (theo mẫu 2C/TCTW-98), có xác nhận của cơ quan sử dụng cán bộ, công chức trong thời hạn 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ.

c. Bản nhận xét, đánh giá công chức của người đứng đầu địa phương, cơ quan sử dụng công chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định. Trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức năm trước của năm đăng ký thi và xác nhận công chức không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

d. Có đủ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Khoản 3, Điều 7; Khoản 3, Điều 11, Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Khoản 3, Điều 7, Thông tư số 77/2019/TT-BTC, ngày 11/11/2019 của Bộ Tài chính.

e. Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ (kể cả chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số nếu có) theo tiêu chuẩn của ngạch đăng ký dự thi. Trường hợp cán bộ, công chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu ngạch chuyên viên thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Trường hợp cán bộ, công chức được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc tin học thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

g. Bản sao quyết định bổ nhiệm ngạch cán sự (tương đương) và xếp lương lần đầu tiên (ngạch 01.004, 06.032, 02.008); Bản sao Quyết định lương đang hưởng của cơ quan có thẩm quyền.

h. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch.

Hồ sơ đăng ký dự thi bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm (theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV, ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức).

2. Môn thi, hình thức và thời gian thi

Cán bộ, công chức tham dự kỳ thi nâng ngạch từ ngạch cán sự (tương đương) lên ngạch chuyên viên và tương đương phải thực hiện theo 2 vòng thi sau:

2.1. Thi vòng 1: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

a. Nội dung thi trắc nghiệm gồm 02 phần:

- Phần I: Môn kiến thức chung: Nội dung thi gồm 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực; chức trách, nhiệm vụ của công chức,... theo tiêu chuẩn của ngạch dự thi. *Thời gian thi 60 phút.*

- Phần II: Môn ngoại ngữ 30 câu hỏi về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc ở trình độ theo yêu cầu của ngạch chuyên viên và tương đương (*tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam*). *Thời gian thi 30 phút.*

b. Miễn phần thi môn Ngoại ngữ (Vòng 1) đối với các trường hợp sau:

- Cán bộ, công chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác.
- Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số.
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ trở lên.
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do các trường ở nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định.

c. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi: Nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì được dự thi tiếp Vòng 2 (*nếu kết quả có 01 trong 02 phần thi ở Vòng 1 không đảm bảo tối thiểu đạt 50% số câu hỏi đúng, thí sinh sẽ không được dự thi Vòng 2*), trừ các trường hợp miễn thi.

** Không phúc khảo kết quả thi trắc nghiệm trên máy vi tính.*

2.2. Thi vòng 2: Thi môn chuyên môn, nghiệp vụ:

- Hình thức thi: Thi viết với thang điểm 100.
- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của cán bộ, công chức dự thi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực; chức trách, nhiệm vụ của công chức,... theo tiêu chuẩn của ngạch dự thi.
- Thời gian thi: 120 phút.

3. Xác định người trúng tuyển

- Người trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch chuyên viên (tương đương) phải có kết quả điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ tại Vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu nâng ngạch được giao (không tính điểm thi Vòng 1).

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi Vòng 2 bằng nhau ở chỉ tiêu nâng ngạch cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên trúng tuyển như sau: Người dự tuyển là nữ, người dự tuyển là người dân tộc thiểu số, người dự tuyển nhiều tuổi hơn (*tính theo ngày, tháng, năm sinh*), trường hợp bằng tuổi nhau thì người có thời gian công tác nhiều hơn là người trúng tuyển.

- Không bảo lưu kết quả cho các kỳ thi nâng ngạch lần sau.

4. Chỉ tiêu đăng ký dự thi nâng ngạch từ cán sự (tương đương) lên ngạch chuyên viên (tương đương)

- Tổng số cán bộ, công chức đăng ký dự thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên và tương đương: **17** trường hợp.

- Chỉ tiêu đề nghị nâng ngạch lên ngạch chuyên viên: **15** chỉ tiêu (*việc điều chỉnh tăng hoặc giảm chỉ tiêu nâng ngạch do Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thi nâng ngạch và Ban Tổ chức Tỉnh ủy*).

IV. THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC TỪ NGẠCH NHÂN VIÊN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG LÊN NGẠCH CÁN SỰ

1. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ dự thi nâng ngạch từ ngạch nhân viên (tương đương) lên ngạch cán sự

1.1. Đối tượng dự thi:

Đối tượng dự thi nâng ngạch từ ngạch nhân viên và tương đương lên ngạch cán sự bao gồm: Công chức được tuyển dụng và bổ nhiệm vào ngạch nhân viên (01.005) hoặc ngạch tương đương hiện đang công tác tại cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy khối.

1.2. Tiêu chuẩn dự thi:

a. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn.

- Công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch cán sự phải có thời gian giữ ngạch nhân viên và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian giữ ngạch tương đương với ngạch nhân viên thì phải có thời gian giữ ngạch nhân viên tối thiểu 01 năm (12 tháng), tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

b. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- Về trình độ chuyên môn: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

1.3. Điều kiện dự thi:

a. Được đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ năm trước của năm đăng ký dự thi; có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang thực hiện việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

b. Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch cán sự.

c. Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch cán sự.

1.4. Hồ sơ đăng ký dự thi:

Tại thời điểm nộp hồ sơ cán bộ, công chức đăng ký dự thi phải đầy đủ các nội dung sau:

- a. Công văn cử công chức tham gia dự thi của địa phương, cơ quan.
 - b. Bản sơ yếu lý lịch (theo mẫu 2C/TCTW-98), có xác nhận của cơ quan sử dụng công chức trong thời hạn 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ.
 - c. Bản nhận xét, đánh giá công chức của người đứng đầu địa phương, cơ quan sử dụng công chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định. Trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức năm trước của năm đăng ký thi và xác nhận công chức không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.
 - d. Có đủ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Khoản 3, Điều 8, Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.
 - e. Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ (kể cả chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số nếu có) theo tiêu chuẩn của ngạch đăng ký dự thi. Trường hợp công chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu ngạch cán sự thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Trường hợp cán bộ, công chức được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc tin học thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.
 - g. Bản sao quyết định bổ nhiệm ngạch nhân viên (tương đương) và xếp lương lần đầu tiên (ngạch 01.005); Bản sao Quyết định lương đang hưởng của cơ quan có thẩm quyền.
 - h. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch.
- Hồ sơ đăng ký dự thi bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm (theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV, ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức).

2. Môn thi, hình thức và thời gian thi

Cán bộ, công chức tham dự kỳ thi nâng ngạch từ ngạch nhân viên (tương đương) lên ngạch cán sự phải thực hiện theo 2 vòng thi sau:

2.1. Thi vòng 1: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

a. Nội dung thi trắc nghiệm gồm 02 phần:

- Phần I: Môn kiến thức chung: Nội dung thi gồm 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực; chức trách, nhiệm vụ của công chức,... theo tiêu chuẩn của ngạch dự thi. *Thời gian thi 60 phút.*

- Phần II: Môn ngoại ngữ 30 câu hỏi về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc ở trình độ theo yêu cầu của ngạch chuyên viên chính (tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam). *Thời gian thi 30 phút.*

b. Miễn phần thi môn Ngoại ngữ (Vòng 1) đối với các trường hợp sau:

- Cán bộ, công chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác.
- Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số.
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ trở lên.
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do các trường ở nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định.

c. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi: Nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì được dự thi tiếp Vòng 2 (nếu kết quả có 01 trong 02 phần thi ở Vòng 1 không đảm bảo tối thiểu đạt 50% số câu hỏi đúng, thí sinh sẽ không được dự thi Vòng 2), trừ các trường hợp miễn thi.

** Không phúc khảo kết quả thi trắc nghiệm trên máy vi tính.*

2.2. Thi vòng 2: Thi môn chuyên môn, nghiệp vụ:

- Hình thức thi: Thi viết với thang điểm 100.
- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của cán bộ, công chức dự thi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực; chức trách, nhiệm vụ của công chức,... theo tiêu chuẩn của ngạch dự thi.
- Thời gian thi: 120 phút.

3. Xác định người trúng tuyển

- Người trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch cán sự phải có kết quả điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ tại Vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu nâng ngạch được giao (không tính điểm thi Vòng 1).
- Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi Vòng 2 bằng nhau ở chỉ tiêu nâng ngạch cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên trúng tuyển như sau: người dự tuyển là nữ, người dự tuyển là người dân tộc thiểu số, người dự tuyển nhiều tuổi hơn (*tính theo ngày, tháng, năm sinh*), trường hợp bằng tuổi nhau thì người có thời gian công tác nhiều hơn là người trúng tuyển.
- Không bảo lưu kết quả cho các kỳ thi nâng ngạch lần sau.

4. Chỉ tiêu đăng ký dự thi nâng ngạch từ nhân viên (tương đương) lên ngạch cán sự

- Tổng số cán bộ, công chức đăng ký dự thi nâng ngạch lên ngạch Cán sự: **01** trường hợp.
- Chỉ tiêu đề nghị nâng ngạch lên ngạch Cán sự: **01** chỉ tiêu.
(*có Biểu nhu cầu nâng ngạch công chức kèm theo*)

V. THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG THI, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC KỲ THI

1. Thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính:

a. Hội đồng thi nâng ngạch chuyên viên chính:

- Chủ tịch Hội đồng: 01 đại diện Thường trực Tỉnh ủy.

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy.
- Các thành viên: Đại diện một số ban xây dựng Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và một số đơn vị liên quan.
- Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng: Đại diện lãnh đạo Phòng Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

b. Thời gian, địa điểm tổ chức thi nâng ngạch chuyên viên chính:

- Thời gian dự kiến tổ chức thi Quý IV năm 2023.
- Địa điểm tổ chức thi nâng ngạch: Dự kiến tại Trường Cao đẳng Đà Lạt.

2. Thi nâng ngạch từ ngạch cán sự (tương đương) lên ngạch chuyên viên, từ ngạch nhân viên lên ngạch cán sự:

a. Hội đồng thi nâng ngạch chuyên viên, cán sự:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy.
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy phụ trách công tác chính sách cán bộ.
- Các thành viên: Đại diện một số Ban xây dựng Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và một số đơn vị liên quan.
- Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng: Đại diện Lãnh đạo Phòng Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

b. Thời gian, địa điểm tổ chức thi nâng ngạch chuyên viên:

- Thời gian dự kiến tổ chức thi Quý IV năm 2023.
- Địa điểm tổ chức thi nâng ngạch: Dự kiến tại Trường Cao đẳng Đà Lạt.

3. Trường hợp thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính và từ ngạch cán sự lên ngạch chuyên viên, ngạch nhân viên lên ngạch cán sự được tổ chức chung thì Hội đồng thi là Hội đồng thi nâng ngạch chuyên viên chính.

Mục 2

XÉT VÀ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

I. CHỈ TIÊU XÉT VÀ THI THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC

Việc xét và thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt.

Việc xét và thi thăng hạng viên chức được thực hiện theo Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 về của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ “quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức”; Thông tư số 01/2018/TT-BNV, ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ và Chỉ tiêu đăng ký xét và thi thăng hạng viên chức: Tổng số viên chức đăng ký nhu cầu xét thăng hạng viên chức: **18** trường hợp. Trong đó xét và thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II: 12 trường hợp, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III: 04 trường hợp, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng IV: 02 trường hợp.

(có Biểu nhu cầu nâng ngạch viên chức kèm theo)

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VÀ CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II

1. Đối tượng

Viên chức hiện đang công tác, làm việc các đơn vị sự nghiệp của Đảng: Báo Lâm Đồng, Trường chính trị tỉnh Lâm Đồng, Trung tâm Chính trị cấp huyện.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn

Viên chức dự xét thăng hạng cần đảm bảo đúng tiêu chuẩn, yêu cầu vị trí việc làm theo quy định của Luật Viên chức; các văn bản hướng dẫn đối với từng chức danh viên chức.

2.1. Đối với chức danh Giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02: Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

- Đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03.
- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III) hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên đối với người có bằng thạc sỹ và 06 năm trở lên đối với người có bằng tiến sỹ; trong đó phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) gần nhất giữ ngạch giảng viên hạng III, mã số V.07.01.03 tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét.
- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II.
- Không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức.
- Có bằng thạc sỹ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh giảng viên chính (hạng II).
- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên.
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên chính (*có trình độ ngoại ngữ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam*).
- Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị trở lên.
- Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã được nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên.
- Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo, được hội đồng khoa học (do thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, chuyên ngành giảng dạy hoặc đào tạo của giảng viên và có mã số chuẩn quốc tế ISBN.
- Tác giả của 03 (ba) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã chuẩn quốc tế ISSN.

2.2. Đối với viên chức đang công tác tại các vị trí việc làm: Bộ phận hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính và các

vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của các đơn vị sự nghiệp: Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.
- Có bằng tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị trở lên.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên chính hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính.
- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số.
- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức.
- Có thời gian giữ ngạch chuyên viên (01.003) hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó tối thiểu phải đủ 01 năm (12 tháng) gần nhất giữ ngạch chuyên viên, tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ dự xét.
- Trong thời gian giữ ngạch chuyên viên và tương đương, đã tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà đơn vị sử dụng viên chức được giao chủ trì, nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu đạt kết quả trở lên.

2.3. Đối với chức danh Phóng viên hạng II (V.11.02.05): Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn sau (theo Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT):

- Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành báo chí trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học khác chuyên ngành báo chí thì phải qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ báo chí từ 08 tuần trở lên.
- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.
- Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 hoặc tương đương theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.
- Có bằng tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị trở lên.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh Phóng viên hạng II.
- Đã chủ trì ít nhất 02 (hai) tác phẩm được Hội đồng nghệ thuật, khoa học chuyên ngành thừa nhận hoặc đạt giải thưởng; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) công trình lý luận, nghiên cứu lý luận về khoa học nghiệp vụ chuyên ngành (cấp Bộ hoặc tương đương).
- Có thời gian giữ chức danh phóng viên hạng III (V.01.02.06) và tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm, trong đó có ít nhất 03 (ba) năm gần nhất giữ chức danh phóng viên hạng III.

2.4. Đối với chức danh Biên tập viên hạng II (V.11.01.02): Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn sau (theo Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT):

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành báo chí, xuất bản. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học khác ngành báo chí, xuất bản thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng về nghiệp vụ báo chí, xuất bản do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành báo chí, xuất bản.

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 hoặc tương đương theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

- Có bằng tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương trung cấp lý luận chính trị trở lên do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 09/7/2021.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành biên tập viên hoặc có chứng chỉ hành nghề biên tập viên (đối với biên tập viên lĩnh vực xuất bản).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia biên tập ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ngành, cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành từ cấp cơ sở trở lên đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III (V.01.02.06) hoặc tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm (108 tháng, không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ xét thăng hạng.

3. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức năm 2023 được thống nhất thực hiện theo quy định tại Điều 36, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ (Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012) gồm:

- Đơn đăng ký dự xét thăng hạng.
- Công văn của cơ quan, đơn vị đề nghị cấp có thẩm quyền xét thăng hạng.
- Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ, có xác nhận của cơ quan quản lý hoặc sử dụng viên chức.
- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức, trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại viên chức năm 2022.
- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo điều kiện, tiêu chuẩn của hạng đăng ký xét (có chứng thực).
- Bản sao quyết định bổ nhiệm ngạch lương ở trình độ đại học lần đầu tiên.
- Bản sao quyết định bổ nhiệm hạng (ngạch) viên chức hiện tại.
- Bản sao quyết định lương đang hưởng của hai bậc lương gần nhất.

- Bản sao các Quyết định thành lập tổ nghiên cứu, biên soạn,...; biên bản nghiệm thu đề án, đề tài của cơ quan có thẩm quyền; Tác phẩm, giải thưởng, chuyên đề, công trình lý luận (cấp bộ, cấp tỉnh),...

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức đựng trong bì riêng kích thước 250 x 340 x 5 mm, theo quy định tại Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV, ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức.

4. Nội dung, hình thức xét thăng hạng và xác định người trúng tuyển

4.1. Đối với chức danh Giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02:

a. Nội dung xét thăng hạng:

Nội dung xét thăng hạng bao gồm thẩm định việc đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng quy định tại Điểm 2.1, Điểm 2.2 Mục 2, Phần II của Đề án; trong đó điểm kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ được thực hiện như sau:

- Kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ được tính điểm quy đổi (*chi tiết tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Đề án này*) gồm:

+ Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp được nghiệm thu từ mức đạt trở lên.

+ Bài báo khoa học.

+ Sách phục vụ đào tạo: Sách chuyên khảo, sách giáo trình, sách tham khảo, sách hướng dẫn.

+ Kết quả hướng dẫn học viên được cấp bằng thạc sỹ; hướng dẫn học viên bảo vệ thành công luận văn chuyên khoa.

+ Công trình nghiên cứu, sáng tác được giải thưởng quốc gia, quốc tế.

- Mỗi kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ được quy đổi phải có nội dung phù hợp với ngành, chuyên ngành đang giảng dạy của viên chức, phù hợp với vị trí việc làm mà viên chức đang đảm nhiệm.

- Bài báo khoa học, sách phục vụ đào tạo đã công bố có nội dung trùng lặp từ 30% trở lên với công trình khác của cùng tác giả chỉ được tính điểm quy đổi một lần. Không thực hiện tính điểm quy đổi đối với sách phục vụ đào tạo, bài báo khoa học được hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được tính điểm quy đổi.

- Kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quy đổi có nhiều tác giả tham gia thì tác giả chính được hưởng 1/3 số điểm, số điểm còn lại được chia theo giá trị đóng góp của từng thành viên tham gia, kể cả tác giả chính; trường hợp không thể xác định cụ thể giá trị đóng góp của mỗi người thì số điểm còn lại được chia đều cho các thành viên tham gia, kể cả tác giả chính. Trường hợp không thể xác định được tác giả chính thì chia đều cho từng người.

b. Hình thức xét thăng hạng:

Hình thức xét thăng hạng bao gồm việc xét hồ sơ theo Mục 3, Phần II của Đề án và Điều 36, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; thẩm định việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng quy định tại Điểm 2.1, Điểm 2.2, Mục 2, Phần II

của Đề án; trong đó, có tính điểm quy đổi kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và được thực hiện qua 02 (hai) bước sau:

- **Bước 1:** Xét hồ sơ và thẩm định việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung xét thăng hạng quy định tại Điểm 2.1, Điểm 2.2, Mục 2, Phần II của Đề án.

- **Bước 2:** Tính điểm quy đổi kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức dự xét đã đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện chung của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng ở Bước 1 và thực hiện tính điểm quy đổi chi tiết theo Phụ lục ban hành kèm theo Đề án.

4.2. Đối với chuyên viên chính, mã số 01.002: Thực hiện thi nâng ngạch chung với thi nâng ngạch công chức.

4.3. Đối với chức danh Phóng viên hạng II (V.11.02.05) và chức danh Biên tập viên hạng II (V.11.01.02):

a. Nội dung xét thăng hạng:

Xem xét hồ sơ, thẩm định, kiểm tra, sát hạch việc đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp viên chức quy định tại Điểm 2.3, Điểm 2.4, Mục 2 và Mục 3, Phần II của Đề án.

b. Hình thức xét thăng hạng:

- **Vòng 1:** Thẩm định hồ sơ dự xét thăng hạng theo quy định tại Điểm 2.3, Điểm 2.4, Mục 2 và Mục 3, Phần II của Đề án. Nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định thì người dự xét được tham dự Vòng 2.

- **Vòng 2:** Kiểm tra, sát hạch về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; ngoại ngữ; tin học theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp viên chức dự xét thăng hạng bằng hình thức phỏng vấn hoặc thực hành. Điểm thi phỏng vấn hoặc thực hành của mỗi bài kiểm tra, sát hạch được chấm theo thang điểm 100. Nội dung và hình thức kiểm tra, sát hạch cụ thể do Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp xem xét, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy thống nhất trước khi thực hiện.

5. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

5.1. Đối với chức danh Giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02:

- Người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số: V.07.01.02 là viên chức được Hội đồng xét thăng hạng xác định đạt tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại ý 2.1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, phần II, Mục 2 Đề án này, trong đó điểm kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quy đổi đạt tối thiểu 3,5 (ba phẩy năm) điểm và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.

- Trường hợp có từ 02 (hai) người trở lên có điểm kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quy đổi bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau: Viên chức là nữ, người dân tộc thiểu số, viên chức có thời gian công tác nhiều hơn, nhiều tuổi hơn.

- Trường hợp vẫn không xác định được viên chức thăng hạng theo thứ tự ưu tiên trên thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có văn bản trao đổi với người đứng đầu cơ quan có thẩm

quyền quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển trên cơ sở đề nghị của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức.

- Không bảo lưu kết quả cho các kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

5.2. Đối với chuyên viên chính, mã số 01.002: Thực hiện như thi nâng ngạch chuyên viên chính nhưng chỉ tiêu thực hiện theo chỉ tiêu của viên chức đã được phân bổ.

5.3. Đối với chức danh Phóng viên hạng II (V.11.02.05) và chức danh Biên tập viên hạng II (V.11.01.02):

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông là viên chức có tất cả các bài kiểm tra, sát hạch ở vòng 2 (chuyên môn, nghiệp vụ; ngoại ngữ; tin học) đạt từ 50/100 điểm trở lên lấy theo thứ tự tổng điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng điểm kiểm tra, sát hạch bằng nhau ở chỉ tiêu thăng hạng cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

- + Viên chức có thành tích khen thưởng cao hơn.
- + Viên chức có kết quả kiểm tra, sát hạch chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn;
- + Viên chức là người dân tộc thiểu số.
- + Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh),
- + Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.
- + Viên chức có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hiện tại lâu hơn.

Trường hợp vẫn không xác định được thì Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thảo luận và quyết định theo đa số.

- Không bảo lưu kết quả cho các kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

6. Chỉ tiêu đăng ký xét và thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III lên hạng II

- Tổng số cán bộ, viên chức đăng ký xét và thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III lên hạng II: **12** trường hợp (*xét thăng hạng giảng viên: 03, phóng viên hạng II: 06, thi nâng ngạch chuyên viên chính: 03*).

- Chỉ tiêu đề nghị xét và thi thăng hạng lên hạng II: **10** chỉ tiêu (*việc điều chỉnh tăng hoặc giảm chỉ tiêu thăng hạng do Thường trực Tỉnh uỷ xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thi nâng ngạch và Ban Tổ chức Tỉnh uỷ*).

III. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VÀ CHỈ TIÊU THI THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III

1. Đối tượng

Đối tượng dự thi thăng hạng ngạch từ ngạch cán sự và tương đương lên ngạch chuyên viên và tương đương bao gồm: Viên chức được tuyển dụng và bổ nhiệm vào ngạch cán sự (01.004, 06.032, 02.008) hoặc ngạch tương đương hiện

đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp của Đảng.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn

Viên chức dự thi thăng hạng cần đảm bảo đúng tiêu chuẩn, yêu cầu vị trí việc làm theo quy định của Luật Viên chức; các văn bản hướng dẫn đối với từng chức danh viên chức.

a. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

** Đối với ngạch Chuyên viên (hạng III):*

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch viên chức cao hơn ngạch viên chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn.

- Viên chức dự thi nâng ngạch chuyên viên phải có thời gian giữ ngạch cán sự hoặc tương đương từ đủ 03 năm (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian giữ ngạch tương đương thì phải có thời gian giữ ngạch cán sự tối thiểu 01 năm (12 tháng), tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

** Đối với ngạch Văn thư viên:* Đảm bảo theo Khoản 3, Điều 11, Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ.

- Viên chức dự thi nâng ngạch lên ngạch Văn thư viên phải có thời gian giữ ngạch văn thư viên trung cấp và tương đương, trong đó nếu có thời gian tương đương với ngạch văn thư viên trung cấp thì thời gian giữ ngạch văn thư viên trung cấp tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch, cụ thể:

+ Trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ đào tạo cao đẳng phải có thời gian giữ ngạch văn thư viên trung cấp và tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự).

+ Trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ đào tạo trung cấp phải có thời gian giữ ngạch văn thư viên trung cấp và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự).

b. Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: Về trình độ chuyên môn:

** Đối với ngạch Chuyên viên:*

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên hoặc bằng tốt nghiệp đại học ngành hành chính học, quản lý hành chính công trở lên.

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; có chứng chỉ ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

** Đối với ngạch Văn thư viên:*

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học, lưu trữ học và quản trị văn phòng. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ.

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; có chứng chỉ ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

** Điều kiện dự thi:*

- Được đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ năm trước của năm đăng ký dự thi; có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang thực hiện việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch chuyên viên và tương đương.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch chuyên viên và tương đương.

3. Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng:

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức năm 2023 được thống nhất thực hiện theo quy định tại Điều 36, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ (Thông tư số 12/2012/TT-BNV, ngày 18/12/2012) gồm:

a. Công văn cử cán bộ, công chức tham gia dự thi của địa phương, cơ quan.

b. Bản sơ yếu lý lịch (theo Mẫu 2C/TCTW-98), có xác nhận của cơ quan sử dụng viên chức trong thời hạn 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ.

c. Bản nhận xét, đánh giá viên chức của người đứng đầu địa phương, cơ quan sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định. Trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại viên chức năm trước của năm đăng ký thi và xác nhận viên chức không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

d. Có đủ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Khoản 3, Điều 7; Khoản 3, Điều 11, Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Khoản 3, Điều 7, Thông tư số 77/2019/TT-BTC, ngày 11/11/2019 của Bộ Tài chính.

e. Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ (kể cả chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số nếu có) theo tiêu chuẩn của ngạch đăng ký dự thi. Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu ngạch chuyên viên thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc tin học thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

g. Bản sao quyết định bổ nhiệm ngạch cán sự (tương đương) và xếp lương lần đầu tiên (ngạch 01.004, 06.032, 02.008); Bản sao Quyết định lương đang hưởng của cơ quan có thẩm quyền.

h. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch.

Hồ sơ đăng ký dự thi bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm (theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV, ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức).

4. Nội dung, hình thức thi thăng hạng và xác định người trúng tuyển

Thực hiện như thi nâng ngạch cán sự lên chuyên viên ở phần thi nâng ngạch công chức (Mục 2, Phần III, Mục I).

5. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

Thực hiện như thi nâng ngạch cán sự lên chuyên viên ở phần thi công chức nhưng chỉ tiêu thực hiện theo chỉ tiêu của viên chức đã được phân bổ (Mục 3, Phần III, Mục I).

6. Chỉ tiêu đăng ký thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng VI lên hạng III

- Tổng số cán bộ, viên chức đăng ký thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng IV lên hạng III: **04** trường hợp.

- Chỉ tiêu đề nghị thi thăng hạng lên hạng II: **04** chỉ tiêu (việc điều chỉnh chỉ tiêu thăng hạng do Thường trực Tỉnh uỷ xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thi nâng ngạch và Ban Tổ chức Tỉnh uỷ).

IV. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VÀ CHỈ TIÊU THI THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC TỪ NGẠCH NHÂN VIÊN LÊN NGẠCH CÁN SỰ

1. Đối tượng

Đối tượng dự thi thăng hạng từ ngạch nhân viên và tương đương lên ngạch cán sự bao gồm: Viên chức được tuyển dụng và bổ nhiệm vào ngạch nhân viên (01.005) hoặc ngạch tương đương hiện đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp của Đảng.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn

Viên chức dự thi thăng hạng cần đảm bảo đúng tiêu chuẩn, yêu cầu vị trí việc làm theo quy định của Luật Viên chức; các văn bản hướng dẫn đối với từng chức danh viên chức.

- *Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:*

+ Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch viên chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn.

+ Viên chức dự thi nâng ngạch lên ngạch cán sự phải có thời gian giữ ngạch nhân viên và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian giữ ngạch tương đương với ngạch nhân viên thì phải có thời gian giữ ngạch nhân viên tối thiểu 01 năm (12 tháng), tính đến ngày hết hạn nộp

hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

- *Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:*

+ *Về trình độ chuyên môn:* Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

+ Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2.1. Điều kiện dự thi:

a. Được đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ năm trước của năm đăng ký dự thi; có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang thực hiện việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

b. Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch cán sự.

c. Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch cán sự.

2.2. Hồ sơ đăng ký dự thi:

Tại thời điểm nộp hồ sơ viên chức đăng ký dự thi phải đầy đủ các nội dung sau:

a. Công văn cử viên chức tham gia dự thi của địa phương, cơ quan.

b. Bản sơ yếu lý lịch (theo Mẫu 2C/TCTW-98), có xác nhận của cơ quan sử dụng viên chức trong thời hạn 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ.

c. Bản nhận xét, đánh giá viên chức của người đứng đầu địa phương, cơ quan sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định. Trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại viên chức năm trước của năm đăng ký thi và xác nhận viên chức không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

d. Có đủ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo Khoản 3, Điều 8, Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

e. Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ (kể cả chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số nếu có) theo tiêu chuẩn của ngạch đăng ký dự thi. Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu ngạch cán sự thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc tin học thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

g. Bản sao quyết định bổ nhiệm ngạch nhân viên (tương đương) và xếp lương lần đầu tiên (ngạch 01.005); Bản sao Quyết định lương đang hưởng của cơ quan có thẩm quyền.

h. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch.

Hồ sơ đăng ký dự thi bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm (theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 06/2007/QĐ-

BNV, ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức).

3. Nội dung, hình thức thi thăng hạng và xác định người trúng tuyển

Thực hiện như thi nâng ngạch nhân viên lên cán sự ở phần thi nâng ngạch công chức (Điểm 2, Phần IV, Mục I).

4. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

Thực hiện như thi nâng ngạch cán sự lên chuyên viên ở phần thi công chức nhưng chỉ tiêu thực hiện theo chỉ tiêu của viên chức đã được phân bổ (Điểm 3, Phần IV, Mục I).

5. Chỉ tiêu đăng ký xét và thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp nhân viên lên cán sự

- Tổng số viên chức đăng ký thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp nhân viên lên cán sự: **02** trường hợp.

- Chỉ tiêu đề nghị thi thăng hạng lên cán sự: **02** chỉ tiêu (*việc điều chỉnh chỉ tiêu thăng hạng do Thường trực Tỉnh uỷ xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thi nâng ngạch và Ban Tổ chức Tỉnh uỷ*).

V. THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC VÀ THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Hội đồng xét thăng hạng viên chức

Dự kiến thành viên tham gia Hội đồng xét thăng hạng như sau:

- + Chủ tịch Hội đồng: 01 đại diện Thường trực Tỉnh uỷ.
- + Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng ban Tổ chức Tỉnh uỷ.
- + Các ủy viên: Đại diện một số Ban xây dựng Đảng tỉnh và đơn vị có liên quan.
- + Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng: Đại diện lãnh đạo Phòng Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.

2. Thời gian, địa điểm tổ chức xét thăng hạng

- Thời gian tổ chức xét thăng hạng: Dự kiến tổ chức xét trong Quý IV năm 2023.
- Địa điểm tổ chức xét thăng hạng: Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Lâm Đồng.

Mục 3

KINH PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC THI NÂNG NGẠCH, XÉT THĂNG HẠNG

Kinh phí tổ chức kỳ thi nâng ngạch, xét thăng hạng được hình thành từ các nguồn sau đây:

1. Phí dự thi nâng ngạch do thí sinh nộp theo mức quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC, ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

2. Ngân sách tỉnh bổ sung từ dự toán kinh phí thi tuyển, thi nâng ngạch công và xét thăng hạng viên chức chức năm 2023 (*trong trường hợp phí dự thi nâng*

ngạch do thí sinh nộp không đủ trang trải các chi phí phục vụ công tác tổ chức thi nâng ngạch và xét thăng hạng viên chức).

3. Việc quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức kỳ thi nâng ngạch, xét thăng hạng thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC, ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính.

PHẦN III

KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Ban Tổ chức Trung ương thống nhất và phê duyệt các nội dung của Đề án và phân bổ chỉ tiêu trúng tuyển như sau:

- *Đối với công chức: 66 chỉ tiêu, trong đó:*

+ Chuyên viên chính: 50 chỉ tiêu.

+ Chuyên viên: 15 chỉ tiêu.

+ Cán sự: 01 chỉ tiêu.

- *Đối với viên chức: 16 chỉ tiêu, trong đó:*

+ Chuyên viên chính và Giảng viên chính (hạng II): 05 chỉ tiêu.

+ Phóng viên chính (hạng II): 05 chỉ tiêu.

+ Chuyên viên: 04 chỉ tiêu.

+ Cán sự: 02 chỉ tiêu.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các địa phương, cơ quan, đơn vị

Có trách nhiệm triển khai thực hiện kịp thời Đề án này đến CBCCVC thuộc phạm vi quản lý, đồng thời xem xét, cử CBCCVC đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch, xét thăng hạng theo đúng quy định.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Hội đồng thi nâng ngạch chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự (*gọi tắt là Hội đồng thi nâng ngạch*), Hội đồng xét thăng hạng viên chức hạng II và thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III, hạng IV (*gọi tắt là Hội đồng xét thăng hạng*) và Ban Giám sát kỳ thi; đồng thời tham mưu cho Hội đồng thi nâng ngạch quyết định thành lập các ban, tổ giúp việc của Hội đồng thi nâng ngạch năm 2023.

- Tiếp nhận, tổng hợp hồ sơ CBCCVC được cử tham dự kỳ thi nâng ngạch, xét thăng hạng viên chức của địa phương, cơ quan, đơn vị và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt danh sách CBCCVC đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi, dự xét.

- Tham mưu chương trình tổ chức triển khai thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính; từ ngạch cán sự (tương đương) lên ngạch chuyên viên, ngạch nhân viên lên ngạch cán sự; xét thăng hạng viên chức hạng II và thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III, hạng IV năm 2023.

- Thông báo triệu tập cán bộ, công chức viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều

kiện tham dự kỳ thi, kỳ xét thăng hạng và thông báo đến người dự thi, người dự xét về nội dung thi, nội dung xét; các môn thi, hình thức thi, thời gian, địa điểm, khai mạc kỳ thi, tổ chức các ngày thi,...

- Giúp Hội đồng thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính, từ ngạch cán sự (tương đương) lên ngạch chuyên viên, từ ngạch nhân viên lên ngạch cán sự và Hội đồng xét thăng hạng viên chức hạng II; thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III, hạng IV năm 2023:

+ Tổng hợp, báo cáo Ban Tổ chức Trung ương, Thường trực Tỉnh ủy về kết quả thi, kết quả xét thăng hạng.

+ Phối hợp với Hội đồng thi nâng ngạch, Hội đồng xét thăng hạng và các đơn vị liên quan giải quyết khuyết nại, tố cáo (nếu có) trong quá trình tổ chức thi, quá trình xét thăng hạng theo quy định.

+ Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương theo quy định sau khi có ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương, của Thường trực Tỉnh ủy về công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch chuyên viên chính, ngạch chuyên viên, ngạch cán sự và xét thăng hạng viên chức hạng II, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III, hạng IV.

3. Văn phòng Tỉnh ủy

Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu kinh phí, tổ chức thu phí, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo quy định; chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất cần thiết để tổ chức kỳ thi nâng ngạch, kỳ xét thăng hạng viên chức; xây dựng các nội dung chỉ và định mức chi cho công tác thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính, ngạch cán sự lên ngạch chuyên viên, ngạch nhân viên lên ngạch cán sự và xét thăng hạng viên chức từ hạng III lên hạng II, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III, hạng IV, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, phê duyệt.

4. Các ban của Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp thực hiện nhiệm vụ tổ chức kỳ thi nâng ngạch, xét thăng hạng theo yêu cầu của Hội đồng thi nâng ngạch, xét thăng hạng.

Trên đây là “*Đề án thi nâng ngạch công chức và xét, thi thăng hạng viên chức khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp của Đảng năm 2023*”; **Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng kính đề nghị Ban Tổ chức Trung ương xem xét, cho ý kiến để tỉnh tổ chức thực hiện.**

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (*xin ý kiến*),
- Các đồng chí UVBTV Tỉnh ủy,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy,
- Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh,
- Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh,
- Trường Chính trị tỉnh,
- Báo Lâm Đồng,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH3.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Trần Đình Văn

Kèm theo Đề án số 04 -ĐA/TU, ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng

[illegible]

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM 2023

(Kèm theo Đề án số **04**-ĐA/TU ngày **09** tháng **8** năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Tổng	79	0	15	51	5	8	1	12	4	2	0	0
1	Thành ủy Bảo Lộc	5			4	1			1	1			
2	Báo Lâm Đồng	29		3	22	1	3		6	2			
3	Trường Chính trị tỉnh	38		11	20	3	4	1	5	1	1		
4	Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi	7		1	5		1				1		

PHỤ LỤC**CÁCH TÍNH ĐIỂM QUY ĐỔI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN,
NGHIỆP VỤ**

(Kèm theo Đề án số 04 -ĐA/TU, ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ)

STT	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ ĐƯỢC TÍNH ĐIỂM QUY ĐỔI	ĐIỂM QUY ĐỔI
I	Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp được nghiệm thu từ mức đạt trở lên	
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia	3,0 điểm
2	Thành viên thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia	1,0 điểm
3	Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh	1,0 điểm
4	Thành viên thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh	0,5 điểm
II	Bài báo khoa học	Cho điểm tối đa theo khung điểm đối với các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định
III	Sách phục vụ đào tạo đã xuất bản	
1	Sách chuyên khảo về vấn đề khoa học liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực	3,0 điểm
2	Sách chuyên khảo về vấn đề khoa học trong phạm vi ngành, lĩnh vực	2,0 điểm

STT	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ ĐƯỢC TÍNH ĐIỂM QUY ĐỔI	ĐIỂM QUY ĐỔI
3	Giáo trình được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt	3,0 điểm
4	Giáo trình được người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học hoặc hiệu trưởng trường cao đẳng sự phạm phê duyệt, lựa chọn	2,0 điểm
5	Sách tham khảo	1,5 điểm
6	Sách hướng dẫn	1,0 điểm
IV	Kết quả đào tạo	
1	Hướng dẫn chính nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sỹ	2,0 điểm
2	Hướng dẫn phụ nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sỹ	1,0 điểm
3	Hướng dẫn học viên được cấp bằng thạc sỹ	0,5 điểm
4	Hướng dẫn học viên bảo vệ thành công luận văn chuyên khoa hoặc bác sỹ nội trú	0,5 điểm
V	Công trình nghiên cứu, sáng tác trong lĩnh vực nghệ thuật được giải thưởng quốc gia, quốc tế	
1	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc tế (giải nhất)	2,0 điểm
2	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc tế (giải nhì)	1,5 điểm
3	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc tế (giải ba)	1,0 điểm
4	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc gia (giải nhất)	1,0 điểm
5	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc gia (giải nhì)	0,75 điểm
6	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc gia (giải ba)	0,5 điểm